

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 16&17/08/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
1	Nguyễn Khắc Điệp Anh	Nam	30/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	040203009420	6.0	5.5	1937/QĐ402/2026	TH013843	19/08/2026	
2	Lê Minh Anh	Nữ	23/12/2005	Nghệ An	Kinh	040305004311	7.0	9.0	1938/QĐ402/2026	TH016829	19/08/2026	
3	Đặng Đình Đông	Nam	30/05/1994	Nghệ An	Kinh	040094007576	7.0	6.5	1939/QĐ402/2026	TH016830	19/08/2026	
4	Bùi Tuấn Đức	Nam	31/10/2004	Nghệ An	Kinh	040204005368	6.7	8.0	1940/QĐ402/2026	TH016831	19/08/2026	
5	Dương Thị Hà	Nữ	06/07/2004	Nghệ An	Kinh	040304004034	6.7	8.5	1941/QĐ402/2026	TH016832	19/08/2026	
6	Hồ Thị Hà	Nữ	03/07/2001	Nghệ An	Kinh	040301017605	6.0	9.0	1942/QĐ402/2026	TH016833	19/08/2026	
7	Trịnh Thị Hồng Hạnh	Nữ	23/05/1997	Nghệ An	Kinh	040197006915	7.7	7.5	1943/QĐ402/2026	TH016834	19/08/2026	
8	Trần Thị Mai Hiên	Nữ	17/03/2004	Nghệ An	Kinh	040304018122	6.7	7.5	1944/QĐ402/2026	TH016835	19/08/2026	
9	Nguyễn Xuân Khánh	Nam	24/10/1981	Nghệ An	Kinh	040081036937	6.0	8.0	1945/QĐ402/2026	TH016836	19/08/2026	
10	Cao Khắc Kiều	Nam	06/07/1988	Nghệ An	Kinh	040088040441	5.3	6.0	1946/QĐ402/2026	TH016837	19/08/2026	
11	Hoàng Thị Lài	Nữ	08/02/1988	Nghệ An	Kinh	040188021394	6.0	5.0	1947/QĐ402/2026	TH016838	19/08/2026	
12	Phạm Thị Lý	Nữ	03/02/2004	Nam Định	Kinh	036304009425	5.7	6.0	1948/QĐ402/2026	TH016839	19/08/2026	
13	Phạm Xuân Nam	Nam	13/11/1998	Quảng Trị	Kinh	044098000423	5.0	6.5	1949/QĐ402/2026	TH016840	19/08/2026	
14	Hồ Thị Nga	Nữ	17/06/1990	Nghệ An	Kinh	040190031769	5.0	5.0	1950/QĐ402/2026	TH016841	19/08/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
15	Đào Hồng Nhung	Nữ	24/01/2001	Nghệ An	Kinh	040301019588	7.3	9.0	1951/QĐ402/2026	TH016842	19/08/2026	
16	Đặng Thị Kim Oanh	Nữ	10/05/1998	Nghệ An	Kinh	040198013463	6.0	9.0	1952/QĐ402/2026	TH016843	19/08/2026	
17	Nguyễn Đức Tài	Nam	25/12/1982	Nghệ An	Kinh	040082002992	5.3	8.5	1953/QĐ402/2026	TH016844	19/08/2026	
18	Tăng Thị Thảo	Nữ	17/09/2003	Nghệ An	Kinh	040303007096	5.7	6.0	1954/QĐ402/2026	TH016845	19/08/2026	
19	Lê Thị Thu Trang	Nữ	12/11/2004	Gia Lai	Kinh	064304000060	5.0	7.0	1955/QĐ402/2026	TH016846	19/08/2026	
20	Trịnh Minh Tuấn	Nam	08/04/1994	Nghệ An	Kinh	040094011182	6.3	7.0	1956/QĐ402/2026	TH016847	19/08/2026	
21	Trần Văn Tuyển	Nam	27/04/1999	Tp. Hải Phòng	Kinh	030099015010	7.0	5.5	1957/QĐ402/2026	TH016848	19/08/2026	
22	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	02/07/2004	Nghệ An	Kinh	040304024384	5.7	7.5	1958/QĐ402/2026	TH016849	19/08/2026	
23	Dương Thị Quỳnh Anh	Nữ	08/07/1997	Nghệ An	Kinh	040197000773	7.0	7.5	1959/QĐ402/2026	TH016850	19/08/2026	
24	Lê Ái Linh	Nữ	10/07/2004	Nghệ An	Kinh	040304007635	7.0	8.0	1960/QĐ402/2026	TH016851	19/08/2026	
25	Vi Thị Mận	Nữ	09/10/2004	Nghệ An	Thái	040304016826	5.0	7.5	1961/QĐ402/2026	TH016852	19/08/2026	
26	Lô Thị Linh Trâm	Nữ	05/01/2004	Nghệ An	Thái	040304006121	7.0	7.0	1962/QĐ402/2026	TH016853	19/08/2026	
27	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	05/06/2003	Nghệ An	Kinh	040303005533	6.3	5.5	1963/QĐ402/2026	TH016854	19/08/2026	

